

Số: 51/BC-TTGD TX-HN

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục giai đoạn 2018- 2023 Tại Trung tâm GDTX- HN tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018- 2022;

Trung tâm GDTX- HN Tỉnh báo cáo tình hình thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục giai đoạn 2018- 2022 của đơn vị như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ:

Từ năm 2019 trở về trước, Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) tỉnh Ninh Thuận trực thuộc Sở GD&ĐT được thành lập theo Quyết định số 2007/CT ngày 21/06/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận, đây là cơ sở giáo dục thường xuyên nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân có chức năng giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng ngoài trường lớp chính qui, tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu thường xuyên và đa dạng của mọi người dân trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực phục vụ các mục tiêu kinh tế- xã hội của địa phương. Trung tâm GDTX hoạt động từ năm 1997, đến ngày 01/01/2019 hợp nhất với Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp Phan Rang để thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên- Hướng nghiệp tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 1675/QĐ- UBND ngày 11/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Trung tâm Giáo dục thường xuyên- Hướng nghiệp (GDTX-HN) tỉnh Ninh Thuận được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 1192/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận, về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên- Hướng nghiệp tỉnh Ninh Thuận. Hoạt động giáo dục tại 2 cơ sở: cơ sở 1 tại số 26, đường 16/4, Tp. PR-TC; cơ sở 2 tại số 20 Trần Phú, Tp. PR-TC.

* Tổ chức bộ máy hiện có:

Trung tâm có 01 Chi bộ trực thuộc Đảng ủy khối Cơ quan- Doanh nghiệp tỉnh Ninh Thuận, với 26 đảng viên; tổng số Viên chức, NLD của Trung tâm gồm 44 người, được chia ra như sau:

- Ban Giám đốc: 02 người (01 Phó Giám đốc phụ trách, 01 Phó giám đốc; đảng viên: 02, nữ: 0).

- Các phòng chức năng: Có 03 phòng chức năng:

+ Phòng Quản lý Đào tạo: 07 người (biên chế: 07, ngạch giáo viên: 06, ngạch nhân viên 01).

+ Phòng HC-TV: 16 người (biên chế: 06, hợp đồng: 10, ngạch giáo viên: 01, ngạch nhân viên: 05, NLD: 10).

+ Phòng Hướng nghiệp- Dạy nghề phổ thông: 19 người (biên chế: 19, ngạch giáo viên: 18, ngạch nhân viên: 01).

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: thạc sĩ: 07, đại học: 26. Số viên chức trong biên chế đa số đều đạt trình độ chuyên môn chuẩn, trên chuẩn.

Hoạt động giáo dục của Trung tâm GDTX- HN tỉnh gồm:

1. Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;
2. Liên kết với các cơ sở giáo dục đại học để đào tạo đại học theo chỉ tiêu của UBND tỉnh và Sở GDĐT giao hàng năm;
3. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm: chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, công nghệ thông tin; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên trong ngành và CBCCVC, nhân dân có nhu cầu;
4. Dạy nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh các trường Trung học phổ thông trên địa bàn Tp. PR-TC;
5. Đào tạo và phối hợp với Sở GTVT tổ chức sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC TẠI TRUNG TÂM GDTX-HN TỈNH:

1. Việc ban hành các văn bản:

Căn cứ vào chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương; cơ chế, chính sách của tỉnh, Trung tâm GDTX-HN tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Cụ thể:

- Hằng năm, kế hoạch giáo dục của Trung tâm được xây dựng dựa trên khung kế hoạch giáo dục của UBND tỉnh và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT Ninh Thuận; Kế hoạch thanh kiểm tra nội bộ Trung tâm được xây dựng dựa trên các hướng dẫn về thanh tra hằng năm của thanh tra Sở GDĐT; kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của đơn vị và triển khai đến toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; kế hoạch cụ thể việc học tập làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh hằng năm, triển khai đến toàn bộ Đảng viên và quần chúng trong đơn vị và đưa thành tiêu chí để đánh giá công tác thi đua- khen thưởng của đơn vị.

- Công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật: đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế thi đua nội bộ Trung tâm (QĐ số 24/QĐ-TTGDTXHN ngày 15/6/2020), là cơ sở để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Trung tâm cũng đã thực hiện Ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn (QĐ số 155/QĐ-TTGDTX-HN ngày 19/11 /2019); Quy chế làm việc của Trung tâm (QĐ số 77/QĐ-TTGDTXHN ngày 21/12/2020).

- Về thực hiện Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Trung tâm Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 03/QĐ-TTGD TXHN ngày 01/02/2022).

- Về thực hiện chế độ công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập, phòng chống tham nhũng, Trung tâm thực hiện căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020, về việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện theo Kế hoạch hướng dẫn của UBND tỉnh, của Sở GDĐT hằng năm.

- Về thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh, học viên tại Trung tâm: Vào đầu năm học hàng năm, Trung tâm ban hành thông báo thu học phí trong đó có nội dung triển khai thực hiện các chế độ chính sách về miễn giảm và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, học viên theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan:

Chi bộ, Ban giám đốc Trung tâm trực tiếp phổ biến các văn bản có liên quan đến viên chức, giáo viên, NLD Trung tâm bằng nhiều hình thức khác nhau: thông qua các kỳ sinh hoạt định kỳ hàng tháng của chi bộ, cơ quan; triển khai các văn bản và chỉ đạo các phòng, tổ chuyên môn tổ chức quán triệt trong các kỳ sinh hoạt chuyên môn của phòng, tổ; đăng trên trang web Trung tâm.

3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục; công tác thanh, kiểm tra, thi đua - khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục.

3.1 Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục:

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục Trung tâm đều dựa trên khung kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh và hướng dẫn thực nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT.

<i>Năm học</i>	<i>Văn bản chỉ đạo của UBND</i>	<i>Văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT</i>	<i>Văn bản chỉ đạo của Trung tâm</i>
2018-2019	QĐ số 1298/QĐ-UBND, ngày 07/8/2018	CV số 1923/SGDĐT-GDTrH, ngày 10/8/2018	KH số 156/KH-TTGD TX ngày 17/9/18
2019-2020	QĐ số 1190/QĐ-UBND, ngày 25/7/2019	CV số 3082/SGDĐT-NVDH, ngày 12/9/2019	KH số 507/KH-TTGD TX ngày 24/9/19
2020-2021	QĐ số 1367/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	CV số 2415/SGDĐT-NVDH, ngày 01/10/2020	KH số 274/KH- THPT-GD TX ngày 14/10/20
2021-2022	QĐ số 1619/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	CV số 2158/SGDĐT-NVDH, ngày 13/9/2021	KH số 162/KH- THPT-GD TX ngày 28/9/21
2022-2023	QĐ số 1114/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	CV số 2092/SGDĐT-NVDH ngày 30/8/2022	KH số 202/KH-GD TXHN ngày 29/9/22

3.2 Công tác thanh tra, kiểm tra thi đua - khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục:

Công tác thanh kiểm tra: Công tác thanh kiểm tra nội bộ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của thanh tra Sở GDĐT ở từng năm học.

Năm học	Văn bản hướng dẫn	Văn bản triển khai thực hiện của Trung tâm
2018-2019	CV 2209/SGDDĐT-TTr, ngày 12/9/2018 về hướng dẫn công tác thanh kiểm tra nội bộ trường học năm học 2018- 2019.	KH số 162/KH-GDTX ngày 25/9/2018
2019-2020	CV 3125/SGDDĐT-TTr, ngày 17/09/2019 về Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2019- 2020	KH số 524/KH-TTGDTXHN ngày 09/10/2019
2020-2021	CV 2211/SGDDĐT-TTr, ngày 15/09/2020 về Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2020- 2021	KH số 297/KH-TTGDTXHN ngày 19/11/2020
2021-2022	CV 2287/SGDDĐT-TTr, ngày 24/09/2021 về Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2021- 2022	KH số 168/KH-GDTXHN ngày 05/10/2021
2022-2023	CV 2163/SGDDĐT-TTr ngày 12/9/2022 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2022-2023	KH số 203/KH-KTNB ngày 29/9/2022

Công tác thi đua khen thưởng: Thực hiện theo quyết định số 95/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành. Trung tâm đã ban hành Quy chế thi đua nội bộ Trung tâm GDTX-HN tỉnh Ninh Thuận để triển khai công tác Thi đua- khen thưởng toàn đơn vị (QĐ số 24/QĐ-TTGDTXHN ngày 15/6/2020). Hằng năm, thực hiện đánh giá viên chức, người lao động theo quy định nhà nước, văn bản hướng dẫn của của ngành GD-ĐT và theo Quy chế thi đua nội bộ của đơn vị.

3.3- Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh

Về thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh, học viên tại Trung tâm: Vào đầu năm học hàng năm, Trung tâm ban hành thông báo thu học phí trong đó có nội dung triển khai thực hiện các chế độ chính sách về miễn giảm và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, học viên theo văn bản của cấp trên:

Năm học	Văn bản chỉ đạo của UBND	Văn bản triển khai của Trung tâm	Kết quả thực hiện
018-2019	Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 29 /09/ 2016	- KH số 113/KH-GDTX ngày 16/07/2018	- Số HS Giảm: 66 - Số HS miễn: 63 - Số HS được hỗ trợ: 23

Năm học	Văn bản chỉ đạo của UBND	Văn bản triển khai của Trung tâm	Kết quả thực hiện
2019-2020	Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 19/03/2019	- TB số: 468/TB- TTGD TX-HN ngày 13/08/2019	- Số HS Giảm: 149 - Số HS miễn: 88 - Số HS được hỗ trợ: 37
2020-2021	Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 20/07/2020	- TB số: 239/TB- TTGD TX-HN ngày 17/09/2020	- Số HS Giảm: 33 - Số HS miễn: 28 - Số HS được hỗ trợ: 27
2021-2022	Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	- Thông báo số: 153/TB- TTGD TX-HN ngày 31/08/2021	- Số HS Giảm: 60 - Số HS miễn: 43 - Số HS được hỗ trợ: 18
2022-2023	Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 06/05/2022	- TB số: 150/TB- TTGD TX-HN ngày 22/07/2022	- Số HS Giảm: 191 - Số HS miễn: 31 - Số HS được hỗ trợ: 25

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Hệ Giáo dục THPT-GD TX

1.1. Tình hình mạng lưới trường lớp, số học viên:

Stt	Năm học	Số lớp	Số học viên	Ghi chú
1	2018- 2019	22	1.002	Khối 10: 10 lớp; Khối 11: 7 lớp ; Khối 12: 5 lớp
2	2019- 2020	24	1.126	Khối 10: 11 lớp; Khối 11: 7 lớp ; Khối 12: 6 lớp
3	2020- 2021	26	1.285	Khối 10: 12 lớp; Khối 11: 7 lớp ; Khối 12: 7 lớp
4	2021- 2022	23	1.198	Khối 10: 10 lớp; Khối 11: 8 lớp ; Khối 12: 5 lớp
5	2022- 2023	28	1.143	Khối 10: 13 lớp; Khối 11: 8 lớp ; Khối 12: 7 lớp

1.2. Cơ sở vật chất, trang bị thiết bị dạy học

a. Cơ sở vật chất

- Số phòng học: 15 phòng
- Số hội trường: 05 phòng
- Số phòng máy vi tính: 03 phòng

Cơ sở vật chất đảm bảo bố trí đủ cho 2 ca học trong ngày.

b. Trang thiết bị dạy học

- Số phòng máy vi tính: 03 phòng (cấu hình máy yếu)
- Tivi thông minh bố trí tại phòng học: 04 cái
- Máy chiếu bố trí tại phòng học: 04 cái (đã xuống cấp)
- Phòng thí nghiệm – thực hành: 01 phòng

1.3 Triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục lớp 10 theo Chương trình GD TX cấp THPT:

Thực hiện chỉ thị 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở

giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 10 Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện theo hướng dẫn 25/2020/TT-BGDĐT về quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; quyết định 375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 03 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quyết định ban hành các tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các hướng dẫn cụ thể của Sở GDĐT

Trung tâm đã thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 10, kết quả lựa chọn:

Nhóm lớp	Môn học bắt buộc	Môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập	Bộ Sách giáo khoa	Bộ Sách Chuyên đề
Tự nhiên 1 (TN1)	Toán Ngữ văn Lịch sử HĐ TNHN	Vật lý Hóa học Sinh học Tin học	Toán Vật lý Hóa học	1. Môn Toán, Văn, Sử: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Lý, Hóa, Sinh: Bộ sách Chân trời sáng tạo 3. Môn Tin: Bộ sách Kết nối tri thức	1. Môn Toán: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Lý, Hóa: Bộ sách Chân trời sáng tạo
Tự nhiên 2 (TN2)	Toán Ngữ văn Lịch sử HĐ TNHN	Vật lý Hóa học Sinh học Tin học	Toán Hóa học Sinh học	1. Môn Toán, Văn, Sử: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Lý, Hóa, Sinh: Bộ sách Chân trời sáng tạo 3. Môn Tin: Bộ sách Kết nối tri thức	1. Môn Toán: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Hóa, Sinh: Bộ sách Chân trời sáng tạo
Xã hội 1 (XH1)	Toán Ngữ văn Lịch sử HĐ TNHN	Vật lý Địa lý GD kinh tế & pháp luật Tin học	Ngữ Văn Lịch sử Địa lý	1. Môn Toán, Văn, Sử, Địa: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Lý, GD KT&PL: Bộ sách Chân trời sáng tạo 3. Môn Tin: Bộ sách Kết nối tri thức	Môn Văn, Sử, Địa: Bộ sách Cánh Diều
Xã hội 2 (XH2)	Toán Ngữ văn Lịch sử HĐ TNHN	Hóa học Địa lý GD kinh tế & pháp luật Tin học	Ngữ Văn Lịch sử Địa lý	1. Môn Toán, Văn, Sử, Địa: Bộ sách Cánh Diều 2. Môn Hóa, GD KT&PL: Bộ sách Chân trời sáng tạo 3. Môn Tin: Bộ sách Kết nối tri thức	Môn Văn, Sử, Địa: Bộ sách Cánh Diều

1.4. Chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình GDXT (THPT)

Năm học	Tổng số học sinh đầu năm học	Tổng số học sinh cuối năm học	Tổng số học sinh bỏ học	Học tập					Hạng kiểm/ Rèn luyện					Tốt Nghiệp
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB/Đạt	Yếu/chưa đạt	Kx	
							Chưa đạt							
2018-2019	1.002	917	82 (8,2%)	32 (3,5%)	265 (28,9%)	566 (61,7%)	50 (5,5%)	4 (0,4)	344 (37,5%)	359 (39,1%)	197 (21,5%)	17 (1,9%)	/	127/203 (64,53%)
2019-2020	1.126	1044	82 (7,3%)	11 (1,1%)	244 (23,4%)	661 (63,3%)	118 (11,3%)	10 (1,0%)	381 (36,5%)	395 (37,8%)	247 (23,7%)	20 (1,9%)	1	213/281 (75,8%)
2020-2021	1.285	1129	156 (12,1%)	13 (1,2%)	213 (18,9%)	725 (64,2%)	168 (14,9%)	10 (0,9%)	419 (37,1%)	449 (39,8%)	234 (20,7%)	27 (2,4%)	/	217/297 (73,06%)
2021-2022	1.198	1103	95 (7,9%)	12 (1,1%)	207 (18,8%)	750 (68,0%)	127 (11,5%)	7 (0,6%)	424 (38,4%)	518 (47%)	152 (13,8%)	9 (0,8%)	/	199/249 (79,92%)
2022-2023 (HK1)	1.443	1366	77 (5,3%)	19 (1,4%)	224 (16,4%)	608 (44,5%)	508 (37,2%)	7 (0,5%)	483 (35,5%)	576 (42,3%)	210 (15,4%)	92 (6,8%)	5	



2. Dạy Nghề phổ thông:

Số lượng học sinh các năm học:

Năm học	Nghề phổ thông				Đạt tốt nghiệp (tỷ lệ)	Ghi chú
	Đầu năm	Số lớp	Cuối năm	Số lớp		
2017-2018	5.677	173	5.483	173	5.235 (96,2%)	
2018-2019	3.163	111	2.740	111	2.296 (96%)	
2019-2020	3.088	99	3.000	99	2.658 (97,3%)	
2020-2021	3.014	105	2.836	105	2.698 (99,9%)	
2021-2022	3.162	103	2.995	103	2.850 (99,8%)	
2022-2023	3.153	89	3.035	89	/	đang học
Tổng cộng	21.257		20.089		15.737	

3. Đào tạo và sát hạch lái xe hạng A1:

Hàng năm, Trung tâm đều tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về Pháp Luật Giao thông Đường bộ và đề nghị cơ quan quản lý tổ chức Sát hạch cấp Giấy phép lái xe mô tô cho nhân dân trong tỉnh.

Kết quả:

Năm	Số lượng đào tạo	Số lượng dự sát hạch	Số đạt cấp GPLX	Ghi chú
2018	1.928	2.843	2.239	
2019	3.111	7.192	5.596	
2020	5.663	12.615	9.926	
2021	2.435	3.884	3.064	
2022	5.923	7.370	5.919	
Tổng cộng	19.060	33.904	26.744	

Trong năm 2022, thực hiện Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 28/04/2021 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định đào tạo, sát hạch lái xe mô tô hạng A1, máy kéo nhỏ hạng A4 đối với đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Trung tâm triển khai đã tuyển sinh và đào tạo được 02 khóa với số lượng 106 HV không biết chữ trên địa bàn huyện Thuận Bắc.

4. Công tác liên kết đào tạo

Thực hiện Thông tư 08 /2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục- Đào tạo về việc ban hành Quy chế đạo tạo trình độ đại học; Quyết định về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm của Sở GD-ĐT Ninh Thuận đối với đơn vị Trung tâm GDT-HN tỉnh Ninh Thuận;

Hàng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch liên kết với các trường đại học và thông báo tổ chức tuyển sinh các loại hình đào tạo: Vừa học vừa làm văn bằng 1, văn bằng 2, liên thông từ TC, CD; Đào tạo từ xa. Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn

- Văn bản chỉ đạo của Sở:

+ Quyết định 74 /QĐ-SGDĐT, ngày 29/01/2018 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2018;

+ Quyết định 21 /QĐ-SGDĐT, ngày 08/01/2019 về việc phân bổ lại chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019;

+ Quyết định 19 /QĐ-SGDĐT, ngày 13/01/2020 về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2020;

+ Quyết định 217 /QĐ-SGDĐT, ngày 15/4/2021 về việc phân bổ lại chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021;

+ Quyết định 03 /QĐ-SGDĐT, ngày 06/01/2022 về việc phân bổ lại chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2022;

+ Quyết định 920 /QĐ-SGDĐT, ngày 23/12/2022 về việc phân bổ lại chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2023.

- Kết quả thực hiện công tác liên kết đào tạo từ năm 2018 đến 2023 như sau:

Stt	Ngành đào tạo	Trường ĐH liên kết	Chỉ tiêu	Nhập học	Tình trạng		Ghi chú
					Đang học	Tốt nghiệp	
Năm 2018							
1	Ngôn ngữ Anh (VB2)	ĐH Nha Trang	80	31		29	2020
2	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Thông tin-Thư viện	ĐH Văn Hóa Tp. HCM	50	38		37	2021
3	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Luật	ĐH Mở Hà Nội	80	54		44	2020
4	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Kế toán	ĐH Nha Trang	160	59		47	2020
5	Liên thông từ Tc lên ĐH ngành Luật	ĐH Mở Hà Nội	80	88		69	
6	ĐH Quản trị Hành chính công	ĐH Tài chính Marketing Tp. HCM	/	26		19	2021
7	Liên thông ĐH Công nghệ Thực phẩm	ĐH Nha Trang	/	19		17	2020
8	Bồi dưỡng Kế toán trưởng	ĐH Mở Tp. HCM		26		26	Ngắn hạn
9	Bồi dưỡng QLNN	Học Viện HCQG khu vực Miền Trung	/	127		127	Ngắn hạn
10	Bồi dưỡng chức danh GV.THPT Hạng 2	ĐH Quy Nhơn	/	101		101	Ngắn hạn

Stt	Ngành đào tạo	Trường ĐH liên kết	Chỉ tiêu	Nhập học	Tình trạng		Ghi chú
					Đang học	Tốt nghiệp	
11	Bồi dưỡng chức danh GV.THCS Hạng 2	ĐH Quy Nhơn	/	80		80	Ngắn hạn
12	Bồi dưỡng chức danh GV tiểu học	ĐH Đà Nẵng	/	97		97	Ngắn hạn
13	Bồi dưỡng chức danh GV Mầm non	ĐH Đà Nẵng	/	102		102	Ngắn hạn
Năm 2019							
1	Sau ĐH Ngữ Văn	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	40	10	8		
2	Liên thông từ TC lên ĐH ngành QT văn phòng	ĐH. Trà Vinh	50	31		27	2021
3	Liên thông từ TC lên ĐH ngành CNTT	ĐH. Trà Vinh	50	39	35		
4	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Kế toán	ĐH Nha Trang	50	32		31	2021
5	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Luật	ĐH Mở Hà Nội	80	65		57	2023
6	Liên thông từ TC lên ĐH ngành CN kỹ thuật điện, điện tử	ĐH GTVT Tp.HCM	50	45		45	2021
7	Ngôn ngữ Anh (VB2) từ xa	ĐH Đà Nẵng	/	35		33	2021
8	Bồi dưỡng Kế toán trưởng	ĐH Mở Tp. HCM	/	30		30	Ngắn hạn
9	Bồi dưỡng QLNN	ĐH Nội vụ HN	/	179		179	Ngắn hạn
10	Bồi dưỡng GV.THPT Hạng 2	ĐHSP Đà Nẵng		66		66	Ngắn hạn
Năm 2020							
1	Liên thông từ TC, CD lên ĐH ngành Luật	ĐH Mở Hà Nội	50	44	44		Luật 10
2	Liên thông từ TC lên ĐH ngành Kế toán	ĐH Nha Trang	50	39		38	2022
3	Sư phạm âm nhạc	ĐH. Trà Vinh	50	45		43	2022
4	Sư phạm Mỹ Thuật	ĐH. Trà Vinh	50	31		28	2022
5	Giáo dục tiểu học	ĐH. Trà Vinh	200	65		61	2023
6	Công nghệ thông tin (VB2)	ĐH. Trà Vinh	50	19	15	15	
8	Bồi dưỡng QLNN	ĐH Nội vụ HN	/	58		58	Ngắn

Stt	Ngành đào tạo	Trường ĐH liên kết	Chỉ tiêu	Nhập học	Tình trạng		Ghi chú
					Đang học	Tốt nghiệp	
							hạn
9	Bồi dưỡng GV.THPT Hạng 2	ĐHSP Đà Nẵng	/	42		42	Ngắn hạn
Năm 2021							
1	Sau ĐH Quản lý giáo dục	ĐH Thủ Dầu 1	50	21	20		
2	ĐH Kỹ thuật Điện	ĐH Giao thông vận tải Tp. HCM	50	41	35		
3	ĐH Kỹ thuật xây dựng	ĐH Giao thông vận tải Tp. HCM	50	33	33		
3	Liên thông từ TC, CĐ lên ĐH ngành Luật	ĐH Đà Lạt	50	48	40		
4	Liên thông TC lên ĐH ngành Kế toán	ĐH Đà Lạt	60	50	45		
5	Liên thông CĐ lên ĐH ngành Kế toán	ĐH Nha Trang		30	30		
6	ĐH Luật (VB2)	ĐH Kinh tế Tp. HCM	50	33		30	2022
7	ĐH Ngôn ngữ Anh (VB2) từ xa	Viện ĐT Mở & CNTT ĐH Huế	/	32	32		Từ xa
8	Bồi dưỡng Kế toán trưởng	ĐH Mở TP. HCM	/	21		21	Ngắn hạn
9	Bồi dưỡng QLNN	ĐH Nội vụ Hà Nội	/	61		61	Ngắn hạn
Năm 2022							
1	ĐH Kỹ thuật Điện CN	ĐH Giao thông vận tải TP. HCM	50	44	43		
2	ĐH Công nghệ thông tin	ĐH Mở Hà Nội	60	26	24		
5	ĐH Luật (VB1)	ĐH Mở Hà Nội	80	39	39		
3	ĐH Quản trị kinh doanh	ĐH Đà Lạt	60	36	36		
4	ĐH Kế toán	ĐH Đà Lạt	80	22	22		
6	ĐH Luật (VB2)	ĐH Kinh tế Tp. HCM	50	37	37		
7	ĐH Ngôn ngữ Anh (VB2) từ xa	ĐH Đà Nẵng	/	28	28		Từ xa
8	ĐH Kỹ thuật xây dựng Dân dụng & công nghệ (từ xa)	ĐH Mở Tp. HCM	/	24	20		Từ xa

Stt	Ngành đào tạo	Trường ĐH liên kết	Chỉ tiêu	Nhập học	Tình trạng		Ghi chú
					Đang học	Tốt nghiệp	
9	Bồi dưỡng Kế toán trưởng	ĐH Mở Tp. HCM	/	23		23	Ngắn hạn

- Các lớp đang học

Stt	Trường ĐH liên kết đào tạo	Tên lớp	Số lượng	Đang học
1	ĐH Giao thông vận tải	XD Cầu đường (CD16NT)	13	Kỳ 10- Năm 5
2		Kỹ thuật điện CN 2020	35	HK5- Năm 3
3		Xây dựng dân dụng 2020	28	HK5- Năm 3
4		Xây dựng dân dụng 2022	43	HK2- Năm 1
5	ĐH. Mở Tp. HCM	Luật (VB1) 2020	32	HK7- Năm 4
6		Công nghệ kỹ thuật xây dựng (Từ xa)	21	HK2- Năm 4
7	ĐH. Đà Lạt	Kế toán 45PR- 2021	45	HK4- Năm 2
8		Luật 45PR- 2021	40	HK4- Năm 2
9	ĐH. Kinh tế Tp. HCM	Luật và Quản trị địa phương K2022	37	HK1- Năm 1
10	ĐH. Tài chính - Marketing Tp. HCM	Ngôn ngữ Anh- VB2	30	HKI- Năm 2
11	ĐH Trà Vinh	Công nghệ thông tin 2019	47	HK5- Năm 3
12		Sư phạm GD tiểu học	62	HK5- Năm 3
13	ĐH. Nha Trang	CDLT Kế toán- 2021	30	HK3- Năm 2
14	ĐH. Mở Hà Nội	TCLT Luật 09	57	HK7- Năm 4
15		TCLT Luật 10	44	HK5- Năm 3
16		TCLT Luật 11	39	HK3- Năm 2
17		Công nghệ thông tin 2022	26	HK2- năm 1
Tổng cộng			629	

5. Phối hợp đào tạo song song 2 chương trình (vừa học THPT-GDTX vừa học nghề):

Thực hiện công văn số 2258/BGDĐT-GDCN, ngày 05/4/2013 của Bộ GD-ĐT về việc phối hợp giữa cơ sở đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp với Trung tâm GDTX trong tổ chức đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp; Công văn số 1861/SGDĐT-NVDH ngày 10/08/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy GDTX cấp THPT kết hợp dạy nghề tại các Trung tâm GDTX, Trung tâm GDTX tỉnh (nay là Trung tâm GDTX-HN tỉnh Ninh Thuận) phối hợp với Trường Cao đẳng Du lịch

Đà Lạt, Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung, Trường Trung cấp Việt Thuận để đào tạo Trung cấp nghề cho học viên đang theo học chương trình THPT (GDTX) tại Trung tâm GDTX-HN tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ người học viên: Các Trường đào tạo Trung cấp nghề hỗ trợ học phí cho học viên tham gia học tập, liên hệ và bố trí nơi thực tập cho học viên.

- Kết quả thực hiện như sau:

+ Các lớp Trung cấp nghề đã tốt nghiệp:

Năm	Trung cấp nghề	Trường liên kết đào tạo	Số lượng	Ghi chú
2018	Chế biến món ăn	CD du lịch Đà Lạt	18	
	Quản trị khách sạn	“	21	
2019	Chế biến món ăn	“	11	
	Quản trị khách sạn	“	18	
2020	Chế biến món ăn	“	21	
	Quản trị khách sạn	“	6	
2021	Chế biến món ăn	“	20	
	Quản trị khách sạn	“	23	
2022	Chế biến món ăn	“	15	
	Quản trị khách sạn	“	14	
	Điện công nghiệp	CD Công Thương Miền trung	12	
	Kế toán doanh nghiệp	“	18	
	Quản lý doanh nghiệp	“	6	
	Công nghệ thông tin	“	3	
Tổng cộng			206	

+ Các lớp Trung cấp nghề đang đào tạo:

Stt	Trung cấp nghề	Số lượng	Trường liên kết đào tạo	Ghi chú
1	Chăm sóc sắc đẹp	49	Trung cấp Việt Thuận	
2	Quản trị kinh doanh	41		
3	Chế biến món ăn	80	Trường cao đẳng Du lịch Đà Lạt	
4	Quản trị khách sạn	30		
5	Công nghệ thông tin	96	Trường Cao đẳng Công thương Miền trung	
6	Kế toán doanh nghiệp	28		
7	Điện công nghiệp	49		
8	Kinh doanh thương mại	21		
5	Quản thị khách sạn	10		
Tổng cộng		404		

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Việc thực hiện các chương trình giáo dục ở Trung tâm GDTX- HN tỉnh như giáo dục THPT- GDTX, liên kết đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học và từ xa, bồi dưỡng tin học, hướng nghiệp dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe mô tô đã góp phần nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho mọi người (trong đó có số cán bộ công chức nhà nước) được nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ tốt hơn cho công việc mình đang làm, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

1. Thuận lợi:

- Các văn bản hướng dẫn, giao chỉ tiêu đầy đủ tính pháp lý.
- Sở GD-ĐT, các ban ngành, các trường Đại học quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho CBCCVC đi học, hỗ trợ công tác tuyển sinh; Cán bộ, viên chức của Trung tâm tinh gọn, có tinh thần trách nhiệm và làm việc hiệu quả.
- Trung tâm có trách nhiệm cùng với các trường đại học đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo, bồi dưỡng; bổ sung vào chương trình đào tạo những nội dung phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, nguồn nhân lực của địa phương.

2. Khó khăn:

- CSVC, trang thiết bị lạc hậu cần được thanh lý và đầu tư thay thế.
- Hầu hết CBCCVC trong tỉnh đã qua đào tạo đại học. Việc học tập thêm chuyên môn, nghiệp vụ, học văn bằng thứ hai hoặc học ở trình độ cao hơn còn nhiều hạn chế vì chưa có chính sách hỗ trợ, động viên người học. Nguồn tuyển sinh liên kết đào tạo ở Trung tâm ngày càng giảm, đòi hỏi phải có tính năng động và nhạy bén cao trong việc nắm bắt nhu cầu.
- Điều kiện kinh tế xã hội tỉnh nhà còn khó khăn, người học không được cơ quan hỗ trợ học phí, phải tự lo kinh phí của cá nhân. Điều này làm cho HV không có điều kiện đi học hoặc nghỉ học nhiều.
- Tỉnh, Sở ngành chưa có cơ chế tạo điều kiện thu hút các trường đạo học trọng điểm trong việc đào tạo sau đại học (thạc sĩ) tại địa phương, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh nhà.
- Sự nhiệt tình và phối hợp của các trường THPT trong công tác quản lý nề nếp học sinh học nghề phổ thông cần được tăng cường hơn nữa.
- Năm học 2023- 2024 thực hiện chương trình giáo dục THPT năm 2018 cho khối lớp 11, trong đó chương trình không có hoạt động Giáo dục nghề phổ thông. Do đó, việc bố trí việc làm cho số giáo viên chuyên môn về dạy nghề phổ thông gặp rất nhiều khó khăn.
- Nguồn thu học phí hệ THPT- GDTX chủ yếu đủ để chi trả tiền lương cho giáo viên hợp đồng thỉnh giảng. Năm học 2021-2022 thu học phí theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021, chi trả tiền lương giáo viên thỉnh giảng 40.000 đồng/tiết. Năm học 2022-2023 thu học phí theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 05 năm 2022, đối với hệ THPT-GDTX mức

học phí được tăng gấp đôi, Trung tâm đã hạch toán chi trả tiền lương giáo viên thỉnh giảng tăng lên 60.000 đồng/tiết.

Thực hiện Công văn số 106/UBND-VXNV ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trung tâm đã triển khai hoàn trả học phí chênh lệch. Trong thời gian chờ được cấp bù kinh phí Trung tâm gặp rất nhiều khó khăn về nguồn tài chính để tiếp tục chi trả tiền lương cho giáo viên thỉnh giảng.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Tăng cường đầu tư CSVC phục vụ dạy học.
- Tỉnh cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn mới bằng cách đề cử và hỗ trợ kinh phí cho người đi học.
 - Tạo điều kiện, thu hút các trường đại học có uy tín, chất lượng có cơ chế đào tạo sau đại học cho CBCCVC tại địa phương (đào tạo 1 phần) để giảm bớt chi phí trong đào tạo và nâng cao trình độ nguồn nhân lực tỉnh nhà.
 - Có chính sách, cơ chế giải quyết việc làm cho giáo viên dạy nghề phổ thông sau khi kết thúc năm học 2022- 2023.
 - UBND Tỉnh Quan tâm và sớm cấp bù ngân sách học phí chênh lệch hệ THPT- GDTX và Nghề phổ thông cho Trung tâm.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN:

- Tiếp tục thực hiện Nghị Quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh, của ngành về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
 - Nâng cao chất lượng giáo dục các hệ đào tạo THPT- GDTX, VLVH, HN-NPT, Tin học, phối hợp đào tạo lái xe A1, ... góp phần tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Tích cực chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; đẩy mạnh giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của BGD và người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể.
 - Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh từng giai đoạn cụ thể để tham mưu, đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp tại địa phương./.

Nơi nhận: *Vu*

- Đoàn giám sát HĐND tỉnh (báo cáo);
- Sở GDĐT (báo cáo);
- BGD, các Tp. Trung tâm;
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Văn Đông